TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 938/2023/HNGĐ-ST.
Ngày 27 tháng 7 năm 2023
"V/v Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Trung.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phạm Thị Ngọc.
2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lụa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 725/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 270/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 199/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lưu Hồng L**, sinh năm 1996 (Có mặt).
Thường trú: 266/40/13 Đường M, phường N, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liện hệ: 43/2 Đường số 67, ấp G, xã L, huyện P, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Thành T**, sinh năm 1993 (Vắng mặt).
Thường trú: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Lâm Đồng.
Tạm trú: 43/2 Đường số 67, ấp G, xã L, huyện P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lưu Hồng L trình bày: Bà và ông Nguyễn Thành T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 09/9/2019. Sau khi cưới, cả hai sống bên chồng tại xã B, huyện C, tỉnh Lâm Đồng. Sau này, cả hai về sinh sống bên gia đình vợ tại ấp G, xã L, huyện P, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, ông T không lo làm ăn.

Bà yêu cầu được ly hôn với ông T để giải thoát cho nhau.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Hồng L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thành T nên quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án này là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét ông T có nơi cư trú tại địa chỉ ấp G, xã L, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử vắng mặt ông T là phù hợp.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của bà L ly hôn với ông T vì cả hai thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo bà L là ông T không lo làm ăn, không chăm sóc gia đình, cả hai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 76/2019 đăng ký ngày 09/9/2019.

Xét ông T đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, nhận trực tiếp Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vẫn không đến Tòa án để trình bày nguyện vọng, ý kiến của mình, chứng tỏ ông T không quan tâm đến việc bà L làm đơn yêu cầu ly hôn và không có giải pháp nào để hàn gắn cuộc sống chung vợ chồng.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà L có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét bà L khai không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về tài sản chung: Bà L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Bà L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Do Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn nên bà L phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, các Điều: 56, 57, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lưu Hồng L. Bà Lưu Hồng L được ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

Giấy chứng nhận kết hôn 76/2019, đăng ký ngày 09/9/2019 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Lâm Đồng không có giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà L chịu, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0044529 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi ngày 10 tháng 5 năm 2022. Bà L đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã B, h. C, t. Lâm Đồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Duy Trung